

Đắk Wër, ngày 7 tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH
Chăm sóc giáo dục trẻ 5 - 6 tuổi năm học 2024 - 2025

Căn cứ Kế hoạch số 06/CM-MNHHD ngày 6 tháng 9 năm 2024 của chuyên môn trường MN Hoa Hướng Dương về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2024 – 2025;

Căn cứ vào Kế hoạch số 07^a/TL-MNHHD ngày 7 tháng 9 năm 2024 về việc thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ của tổ Lá năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình thực tế của lớp;

Lớp Lá 4 xây dựng Kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2024 - 2025 với những mục tiêu, nội dung như sau:

MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

| STT | MỤC TIÊU | NỘI DUNG |
|--|--|---|
| I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT | | |
| 1. Phát triển thể chất | | |
| a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp | | |
| MT1 | Thể hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát, bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. | Hô hấp: Hít vào, thở ra Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân - Co và duỗi tay, kết hợp kiễng chân, hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. Lưng, bụng, lườn: - Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. - Nghiêng người sang hai bên kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. Chân: |

| | | |
|--|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên đưa hai chân sang ngang, nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. |
| b. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động | | |
| MT2 | Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. | <ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục qua 7 ô. - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. |
| MT3 | Bật qua vật cản 15-20cm. | <ul style="list-style-type: none"> - Bật qua vật cản cao 15-20cm. |
| MT4 | Thực hiện vận động ném xa bằng 1 tay, 2 tay | <ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay. |
| MT5 | Thực hiện vận động đi. | <ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn). - Đi nổi bàn chân tiến lùi. - Đi thay đổi tốc độ hướng đích đặc theo hiệu lệnh. |
| MT6 | Thực hiện vận động ném trúng đích. | <ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích nằm ngang. - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 2 tay. - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). |
| MT7 | Thực hiện vận động bò. | <ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m. - Bò đích đặc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. |
| MT8 | Thực hiện vận động tung bóng. | <ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. |
| MT9 | Bật xa tối thiểu 50(cs1) | <ul style="list-style-type: none"> - Bật xa tối thiểu 50 cm. |
| MT10 | Nhảy xuống từ độ cao 40cm. (cs2) | <ul style="list-style-type: none"> - Nhảy xuống từ độ cao 30cm. - Nhảy xuống từ độ cao 40cm. |
| MT11 | Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m (cs3) | <ul style="list-style-type: none"> - Ném bóng bằng hai tay cho người đối diện. - Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m |
| MT12 | Tự mặc và cởi quần áo. (cs5) | <ul style="list-style-type: none"> - Mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau. - Cài và mở được hết các cúc áo. - Tự mặc và cởi được quần áo. Để vào nơi quy định. |

| | | |
|---|---|--|
| MT13 | Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (cs9) | <ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục về phía trước. - Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân luân phiên khi có yêu cầu. - Không dừng lại hoặc không bị ngã khi đổi chân. |
| MT14 | Đập và bắt bóng được bằng hai tay (cs10) | <ul style="list-style-type: none"> - Đập bóng tại chỗ. - Đập và bắt bóng được bằng hai tay. |
| MT15 | Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) (cs11) | - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) |
| MT16 | Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây (cs12) | - Chạy được 18 mét trong vòng 5 - 7 giây. |
| MT17 | Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian(cs13) | <ul style="list-style-type: none"> - Chạy với tốc độ chậm, đều. Phối hợp tay chân nhịp nhàng. - Chạy chậm khoảng 100-120m. - Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian. |
| c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt. | | |
| MT18 | Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. | <ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắm. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu dây giày, quai dép, luồn, buộc dây. |
| 2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe | | |
| a. Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe. | | |
| MT19 | Kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hằng ngày. (cs19) | <ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hàng ngày. - Phân biệt các thức ăn theo nhóm (nhóm bột đường, nhóm chất đạm, nhóm chất béo, nhóm vitamin và muối khoáng). |
| MT20 | Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông | - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. |

| | | |
|--|---|---|
| | thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. | <ul style="list-style-type: none"> - Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi để khỏe mạnh; không uống nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì, không có lợi cho sức khỏe. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống như: Luộc, nấu cơm, kho... |
| b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt | | |
| MT21 | Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (cs15) | <p>Trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng khi tay bẩn. - Rửa tay đúng cách không làm ướt quần áo. - Rửa tay sạch bằng xà bông. |
| MT22 | Tự rửa mặt và chải răng hằng ngày. (cs16) | <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi ăn hoặc lúc ngủ dậy: - Tự chải răng rửa mặt. - Không vẩy nước ra ngoài, không làm ướt quần áo. - Rửa mặt chải răng bằng nước sạch. |
| MT23 | Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. | <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng đánh răng. - Kỹ năng lau mặt. - Kỹ năng rửa tay bằng xà phòng. - Kỹ năng đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bản để vào nơi quy định. |
| MT24 | Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (cs18) | <ul style="list-style-type: none"> - Chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. - Sửa lại quần áo khi bị xô xệch. |
| c. Có một số hành vi, thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe | | |
| MT25 | Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. | <ul style="list-style-type: none"> - Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn; mời cô mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ, vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Có hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh. Vệ sinh răng miệng. Ra nắng đội mũ, đi tắt mặt áo ấm khi trời lạnh, bỏ đúng nơi quy định, không nhỏ bậy ra lớp. |
| d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. | | |
| MT26 | Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm (cs23) | <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được nơi bẩn và sạch. - Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ/ao/sông/suối/vực/ổ điện...) và không nguy hiểm. |

| | | |
|---------------------------------|---|---|
| | | - Chơi ở nơi sạch và an toàn. |
| MT27 | Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được 1 số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã, chảy máu.. - Biết tránh 1 số trường hợp không an toàn: - Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt rủ đi chơi. - Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn và cô giáo... - Biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. |
| MT28 | Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. (cs25) | <p>Khi gặp nguy hiểm: Bị đánh, bị ngã, bị thương, chảy máu, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kêu cứu - Gọi người lớn. - Nhờ bạn gọi người lớn. - Chạy khỏi nơi nguy hiểm. |
| II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC | | |
| 1. Khám phá khoa học | | |
| MT29 | Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung (cs92) | <ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung của 3 (hoặc 4) con vật/cây. - Đặt tên cho nhóm những con/cây này bằng từ khái quát thể hiện đặc điểm chung. |
| MT30 | Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên (cs93). | <p>Gọi tên từng giai đoạn phát triển của đối tượng (cây/con) thể hiện trên tranh ảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. - Nhận ra và sắp xếp theo trình tự của sự thay đổi của cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên (Ví dụ: búp, lá non, lá già, lá vàng.... |
| MT31 | Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.(cs94) | <ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó. - Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô). |

| | | |
|---------------------------|--|--|
| MT32 | Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (cs95) | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo. - Giải thích dự đoán của mình. |
| MT33 | Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. (cs96) | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng/chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng. - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu |
| MT34 | Hay đặt câu hỏi(cs112) | <p>Trẻ có một trong những biểu hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hay phát biểu khi học. - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin. - Tập trung chú ý trong khi học. |
| MT35 | Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (cs113) | <p>Trẻ có một trong những biểu hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) - Hay hỏi về những thay đổi / mới xung quanh. - Hay đặt câu hỏi “Tại sao?” - Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô/ thích robot, thích búp bê...) |
| MT36 | Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu. |
| MT37 | Biết làm thí nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi so sánh sự phát triển. | <ul style="list-style-type: none"> + Làm thí nghiệm đơn giản để tìm hiểu đặc điểm, tính chất của một vài sự vật hiện tượng gần gũi: trứng chìm trứng nổi, sự bốc hơi của nước.... + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. + Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo. |
| 2. Khám phá xã hội | | |

| | | |
|---|--|--|
| MT38 | Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (cs98) | - Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống; Sản phẩm của nghề đó, công cụ để làm nghề đó. Ví dụ: Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới. |
| MT39 | Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng. | - Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường/thôn, xóm) số điện thoại. - Nói tên địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp. - Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường. |
| MT40 | Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh. | - Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. VD: ngày 20/11, ngày quốc khánh (2- 9), các gia đình đều phải treo cờ, các con được nghỉ học...Ngày 15/ 8 âm lịch là ngày tết trung thu các em thiếu nhi được xem múa lân, được đi rước đèn, phá cỗ... - Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. |
| 3. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán | | |
| MT41 | So sánh, sắp xếp theo quy tắc. | - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp. |
| MT42 | Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm. | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Gộp / tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại...) |

| | | |
|-------------|---|---|
| MT43 | Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo (cs106) | <ul style="list-style-type: none"> - Đặt thước đo liên tiếp. - Nói đúng kết quả đo (Ví dụ bằng, 5 bước chân, 4 cái thước) |
| MT44 | So sánh hai đối tượng. | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. |
| MT45 | Chỉ khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu. (cs107) | <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. - Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình hình học theo yêu cầu (ví dụ: Quả bóng có dạng hình cầu, cái tủ hình khối chữ nhật v..v..) |
| MT46 | Xác định vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. (cs108) | <ul style="list-style-type: none"> - Nói được vị trí của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian. (ví dụ: Cái tủ ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn v..v..) - Nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng tập thể dục (ví dụ: Bạn Nam đứng ở bên trái bạn Lan và bên phải bạn Tuấn v..v..) - Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (Ví dụ: Đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải của búp bê...) |
| MT47 | Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc (cs116) | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động...) - Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại. - Nói tại sao lại sắp xếp như vậy. |
| MT48 | Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát. (cs117) | <ul style="list-style-type: none"> - Dựa trên bài hát / câu chuyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ (Ví dụ: Hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”. |
| MT49 | Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. (cs118) | <ul style="list-style-type: none"> - Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ. - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác. - Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn. |

| | | |
|---|--|--|
| MT50 | Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (cs119) | <ul style="list-style-type: none"> - Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. - Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau. - Có những vận động minh họa/múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô.... |
| III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ | | |
| 1. Nghe hiểu lời nói - Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày – Làm quen với việc đọc- viết | | |
| MT51 | Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(cs61) | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện. - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện. - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói. |
| MT52 | Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;(cs63) | <ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên các loại vật nuôi trong gia đình, các loại rau, các loại quả,.. khi có yêu cầu. - Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó. <p>Ví dụ:</p> <p>Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, tách (li/ chén) và chỉ vào các đồ vật đó, nói: “Đây là cái cốc, ca, tách (li/ chén. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để uống.”; Sau đó hỏi trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con cá, con cua, con ốc được gọi chung là gì?. - Quả cam, quả chuối, quả đu đủ được gọi chung là gì?. - Con chó, con mèo, con gà được gọi chung là gì?. - Cái bút, quyển sách, cái cặp được gọi chung là gì?.” |

| | | |
|-------------|--|---|
| | | - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. (Chó là một con vật có bốn chân).. |
| MT53 | Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.(cs64) | - Nói được tên, hành động của các nhân vật, tình huống trong câu chuyện - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Thể hiện sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... đã nghe biểu hiện qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của giáo viên và qua các hoạt động vẽ, đúng kịch, hát, vận động và kể lại chuyện theo đúng trình tự... |
| MT54 | Nói rõ ràng. (cs65) | - Phát âm đúng và rõ ràng. - Diễn đạt ý tưởng; trả lời được theo ý của câu hỏi -Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được. |
| MT55 | Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (cs67) | - Sử dụng nhiều danh từ, tính từ hay liên từ... khác nhau, những từ thông dụng và các loại câu đơn và câu đơn mở rộng để diễn đạt ý. - Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (câu nếu... thì...; bởi vì...; tại vì...;) trong giao tiếp hàng ngày. - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (để làm gì? Tại sao? Vì sao?...) - Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại... |
| MT56 | Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (cs68) | - Trẻ có thể dùng nhiều phương tiện khác nhau như từ, các loại câu, hình ảnh, chữ viết, âm nhạc, vận động và hành động để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình rõ ràng, mạch lạc để người khác hiểu được ý của bản thân.. - Có thể dùng ngôn ngữ để tự diễn đạt và cố gắng làm cho người khác hiểu được cảm xúc của bản thân. - Đưa ra được những gợi ý, tham gia thoả thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè và người khác. |

| | | |
|-------------|---|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Khi nói, trẻ biết sử dụng sự diễn đạt thích hợp (cười, cau mày...), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân. |
| MT57 | Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (cs69) | <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi bằng lời nói để thống nhất đề xuất trong suốt cuộc chơi với bạn .(VD: trao đổi đề đi đến quyết định xây dựng một công viên bằng các hình khối, hoặc chuyển đổi vai chơi...) - Hướng dẫn bạn đang cố gắng giải quyết một vấn đề nào đó VD: hướng dẫn bạn xếp hình trong nhóm chơi hay lựa chọn màu bút chì để tô các chi tiết của bức tranh. - Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không áp đặt hoặc dùng vũ lực bắt bạn phải thực hiện theo ý mình. |
| MT58 | Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được. (cs70) | <ul style="list-style-type: none"> - Nói đầy đủ tình tiết sự việc theo trình tự lôgic nhất định. - Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân. |
| MT59 | Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (cs71) | <ul style="list-style-type: none"> - Kể lại chuyện đã được nghe cho bố mẹ hoặc bạn và vào các trang của chuyên theo đúng trình tự. - Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu chuyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phần kết và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó. - Thích thú sáng tạo chuyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân. |
| MT60 | Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. (cs72) | <ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi). - Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè. |

| | | |
|-------------|--|--|
| MT61 | Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. (cs73) | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc. Không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt - Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện. |
| MT62 | Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.(cs74) | <ul style="list-style-type: none"> - Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt. - Khi nghe kể chuyện, trẻ có thể lắng nghe người kể một cách chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian. - Trẻ rất chú ý lắng nghe người nói và phản ứng lại bằng nụ cười, gật đầu như dấu hiệu của sự hiểu biết. |
| MT63 | Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện. (cs75) | <ul style="list-style-type: none"> - Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác... - Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong. |
| MT64 | Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (cs76) | <ul style="list-style-type: none"> - Dùng câu hỏi để hỏi lại. Tại sao? Như thế nào? Nghĩa là gì?... - Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu. - Nhún vai, nghiêng đầu, nhíu mày...ý muốn làm rõ một thông tin khi mà không hiểu. |
| MT65 | Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống. (cs77) | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như: tạm biệt, xin chào, cảm ơn.... |
| MT66 | Không nói tục chửi bậy. (cs78) | <ul style="list-style-type: none"> - Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ tình huống nào. |
| MT67 | Thích đọc những chữ đã biết trong môi | <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách. |

| | | |
|-------------|--|---|
| | trường xung quanh. (cs79) | <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe,.. - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp. - Chú ý đến hành động viết của người lớn (hỏi khi thấy người lớn viết). - Quan tâm, hỏi về chữ viết trong sách, báo, hàng hoá, bảng biểu... và cố gắng tìm kiếm thông tin về nghĩa của chữ viết ở xung quanh. - Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại những câu và những từ vựng đơn giản; Trẻ thích sử dụng các dụng cụ viết, vẽ để viết vào giấy một cách thoải mái. |
| MT68 | Thể hiện sự thích thú với sách. (cs80) | <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện, ‘làm sách’,... - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp (VD: Khi người lớn bắt đầu đọc sách, trẻ có thể tạm dừng việc khác và vui thích tham gia vào hoạt động đọc sách cùng người lớn. - Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe đọc. |
| MT69 | Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (cs81) | <ul style="list-style-type: none"> - Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngòi, dẫm,.. lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách. (Buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...) |
| MT70 | Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. (cs86) | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói. - Hiểu rằng chữ viết có một ý nghĩa nào đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau (VD: khi mẹ nhận được thiệp chúc mừng năm mới, trẻ hỏi “Thiệp viết gì đấy”). - Hiểu rằng chữ viết thể hiện các từ, câu của lời nói, một từ nói ra có thể viết được bằng ký hiệu chữ viết. |

| | | |
|-------------|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được từ trong văn bản, các từ cách nhau một khoảng trống. |
| MT71 | <p>Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (cs87)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ. - Thể hiện sự cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân. |
| MT72 | <p>Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. (cs88)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Cầm bút viết và ngồi viết đúng cách. - Biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày. |
| MT73 | <p>Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. (cs89)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động - Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình phía dưới theo cách mà mình thích (bằng chữ in, bằng chữ thường viết đầy đủ hoặc chỉ có một chữ cái đầu hoặc trang trí vào tên của mình khi viết ra |
| MT74 | <p>Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (cs90)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Lấy một quyển sách và yêu cầu trẻ chỉ xem câu chuyện được bắt đầu từ đâu. Trẻ chỉ vào sách từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và lật giở các trang từ phải qua trái. |
| MT75 | <p>Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (cs91)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày. - Nhận được một số chữ cái trên các bảng hiệu cửa hàng. |

| | | |
|--|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Biết rằng mỗi chữ cái có tên, hình dạng và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số. |
| IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI | | |
| 1. Thể hiện ý thức về bản thân | | |
| MT76 | Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình(cs27) | <ul style="list-style-type: none"> - Nói được những thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: + Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình. + Địa chỉ nhà (số nhà, tên phố/ làng xóm). + Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)... + Biết mình là con, anh chị em trong gia đình. |
| MT77 | Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. (cs 28) | <ul style="list-style-type: none"> - Biết chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết: (Nóng, lạnh, khi trời mưa...) - Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy. - Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị. |
| MT78 | Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. (cs29) | <ul style="list-style-type: none"> - Kể được những việc mà mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do (ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm/ vì con còn bé quá.....) - Nói được sở thích của bản thân: VD. Con thích chơi bán hàng, thích đá bóng thích nghe kể chuyện... |
| MT79 | Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân. (cs30) | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động mà mình thích (ví dụ: nêu trò chơi hay hoạt động mà mình thích khi được hỏi, ...) |
| 2. Thể hiện sự tự tin, tự lực | | |
| MT80 | Cố gắng thực hiện công việc đến cùng. (cs31) | <ul style="list-style-type: none"> - Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối. - Nhanh chóng triển khai công việc. |

| | | |
|---|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao. |
| MT81 | Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. (cs32) | <p>Trẻ có biểu hiện một trong những dấu hiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve. - Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. - Cất cẩn thận sản phẩm |
| MT82 | Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày.(cs33) | <ul style="list-style-type: none"> - Tự thực hiện hoạt động mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn: + Tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi. + Tự rửa tay trước khi ăn. + Tự treo, gấp khăn, gấp áo quần. + Tự chuẩn bị đồ dùng/ đồ chơi cần thiết cho hoạt động. + Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn. |
| MT83 | Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (cs34) | <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu ý kiến hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, tự nhiên, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại. |
| 3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. | | |
| MT84 | Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt. (cs36) | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ . |
| MT85 | Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. (cs37) | <ul style="list-style-type: none"> - An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ. - Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật. - Hoan hô, cổ vũ... khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó |

| | | |
|-------------|--|--|
| MT86 | Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. (cs38) | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được cái đẹp. - Thể hiện sự thích thú như reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía trước cái đẹp. |
| MT87 | Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc. (cs39) | <ul style="list-style-type: none"> - Thích chăm sóc cây hàng ngày, luôn quan tâm theo dõi đến sự phát triển của cây. - Vui vẻ nhận công việc tưới cây, cho con vật thân thuộc ăn . |
| MT88 | Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (cs40) | <ul style="list-style-type: none"> - Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị ốm - Giữ thái độ chú ý trong giờ học. - Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường: sinh nhật, ngày hội... - Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi ra trường. |
| MT89 | Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (cs41) | <ul style="list-style-type: none"> - Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,...) với sự giúp đỡ của người lớn. - Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày. |
| MT90 | Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi. (cs42) | <ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái. |
| MT91 | Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. (cs43) | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động đến nói chuyện. - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi. |
| MT92 | Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. (cs44) | <ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn. |
| MT93 | Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. (cs45) | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ. - Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu. |

| | | |
|---------------|--|--|
| | | |
| MT94 | Có nhóm bạn chơi thường xuyên. (cs46) | - Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau. |
| MT95 | Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (cs47) | - Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh giành suất của bạn khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm. |
| MT96 | Lắng nghe ý kiến của người khác. (cs48) | - Biết lắng nghe ý kiến của bạn: (Nhìn bạn khi giao tiếp, không cắt ngang lời khi bạn đang nói). |
| MT97 | Trao đổi ý kiến của mình với các bạn (cs49) | - Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn. - Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ. - Biết thoả thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn. |
| MT98 | Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. (cs50) | - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác hoặc chấp nhận sự thoả hiệp). - Đoàn kết với bạn bè .Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nậm ỉn. |
| MT99 | Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (cs51) | - Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. - Nhận và thực hiện vai của mình trong trò chơi cùng nhóm. |
| MT 100 | Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (cs52) | - Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột. |
| MT 101 | - Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác (cs53) | - Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác. - Giải thích được phản ứng của bản thân đối với cảm xúc hoặc hành vi của bạn khác (con |

| | | |
|---------------|---|---|
| | | cho bạn ấy con khủng long vì con thấy bạn ấy buồn). - Đoán được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây ra phản ứng như thế nào. |
| MT 102 | Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (cs54) | - Biết và thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn mà không phải nhắc nhở; Nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Xin lỗi khi có hành vi không phù hợp gây ảnh hưởng đến người khác. |
| MT 103 | Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (cs55) | - Tự đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn - Biết tìm sự hỗ trợ từ những người lớn trong cộng đồng (cô giáo, bác bảo vệ, bác hàng xóm, bác bán hàng...) - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ đến sự giúp đỡ của người lớn. - Hỏi người lớn trước khi vi phạm các quy định chung. |
| MT 104 | Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. (cs56) | - Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh. |
| MT 105 | Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (cs57) | - Thể hiện các hành vi đúng đối với MTXQ trong sinh hoạt hàng ngày như: - Giữ gìn vệ sinh trong lớp, trong nhà trường, ngoài đường. - Không ngắt lá bẻ cành, dẫm đạp lên cây hoa. - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. |
| MT 106 | Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân. (cs58) | - Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khỏe; mẹ nấu ăn rất ngon.....). |
| MT 107 | Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. (cs59) | - Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở |

| | | |
|---|--|--|
| | | <p>thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,... - Nhận ra rằng mọi người có thể sử dụng các từ khác nhau để chỉ cùng một vật (ví dụ như từ Mẹ ở các địa phương hoặc nơi có các dân tộc khác nhau) |
| MT 108 | Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ. | <ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử (chỗ ở, nơi làm việc của Bác...) - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. |
| 4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội | | |
| MT 109 | Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. | <ul style="list-style-type: none"> - Biết nói lời cảm ơn khi được người khác cho quà, biết nói lời xin lỗi khi mình mắc lỗi, biết sử dụng từ ngữ và cử chỉ lễ phép với người lớn. |
| MT 110 | Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng. | <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi chơi biết cất đồ dùng vào nơi quy định, không làm ồn ào nơi công cộng, vâng lời ông bà bố mẹ, anh chị đi chơi phải xin phép. - Treo, gấp khăn, gấp áo quần đúng nơi quy định. - Xếp bàn ghế đúng nơi quy định - Để giày dép đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định |
| V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ | | |
| 1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, và các tác phẩm nghệ thuật. | | |
| MT 111 | Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật. | <ul style="list-style-type: none"> - Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện |

| | | |
|---|---|--|
| | | - Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình. |
| MT 112 | Tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ.(cs 6) | - Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều, không chừa ra ngoài nét vẽ. |
| MT 113 | Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.(cs 7) | - Cắt được hình, không bị rách. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ. - Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. |
| MT 114 | Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn. (cs8) | - Bôi hồ đều, - Các chi tiết không chồng lên nhau. - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu. |
| 2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc, hoạt động tạo hình. | | |
| MT 115 | Có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình. | - Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... - Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). - Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. |
| 3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật | | |
| MT 116 | - Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc. (cs99) | - Nghe bản nhạc/ bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc/ bài hát nào là vui hoặc buồn. |
| MT 117 | Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em. (cs100) | - Hát đúng giai điệu của một số bài hát mà trẻ em đã được học. |
| MT 118 | Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (cs101) | - Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc |
| MT 119 | Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm 1 sản phẩm đơn giản. (cs102) | - Sử dụng nhiều loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm |
| MT 120 | Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (cs103) | - Đặt tên cho sản phẩm - Trả lời được câu hỏi con vẽ / nặn / xé dán cái gì? Tại sao con làm như thế? |

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

| TT | CHỦ ĐỀ | CÁC CHỦ ĐỀ | TUẦN | THỜI GIAN |
|-----------|-----------------------------------|--|-------------|--|
| 1 | Trường mầm non (3 tuần) | - Trường mầm non Hoa Hường Dương | 1 | 9/9 đến 13/9/2024 |
| | | - Lớp học của bé (Lồng ghép Tết Trung thu) | 2 | 16/9 đến 20/9/2024 |
| | | - Đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài lớp của bé. | 3 | 23/9 đến 27/9/2024 |
| 2 | Bản thân (3 tuần) | - Tôi là ai | 4 | 30/9 đến 04/10/2024 |
| | | - Cơ thể tôi | 5 | 7/10 đến 11/10/2024 |
| | | - Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh. (Lồng ghép ngày phụ nữ Việt Nam 20/10) | 6 | 14/10 đến 18/10/2024 |
| 3 | Gia đình (4 tuần) | - Gia đình của bé. | 7 | 21/10 đến 25/10/2024 |
| | | - Họ hàng của gia đình bé | 8 | 28/10 đến 01/11/2024 |
| | | - Đồ dùng trong gia đình | 9 | 04/11 đến 8/11/2024 |
| | | - Nhu cầu của gia đình | 10 | 11/11 đến 15/11/2024 |
| 4 | Nghề nghiệp (4 tuần) | - Những nghề quanh bé (Lồng ghép Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11) | 11 | 18/11 đến 22/11/2024 |
| | | - Nghề dịch vụ | 12 | 25/11 đến 29/11/2024 |
| | | - Nghề xây dựng | 13 | 02/12 đến 06/12/2024 |
| | | - Nghề sản xuất | 14 | 09/12 đến 13/12/2024 |
| 5 | Động vật (4 tuần) | - Động vật nuôi trong gia đình. (Lồng ghép ngày thành lập QĐNDVN 22/12) | 15 | 16/12 đến 20/12/2024 |
| | | - Động vật sống dưới nước | 16 | 23/12 đến 27/12/2024 |
| | | - Động vật sống trong rừng | 17 | 30/12 đến 03/01/2025 (Tết Dương Lịch) |
| | | - Chim và côn trùng | 18 | 06/01 đến 10/01/2025 |
| 6 | Thực Vật Tết và mùa xuân (4 tuần) | - Cây xanh và môi trường sống | 19 | 13/1 đến 17/1/2025 |
| | | - Mùa xuân và tết nguyên đán | 20 | 20/1 đến 24/1/2025 |
| | | - Một số loại hoa – quả | 21 | 03/2 đến 7/2/2025 |

| | | | | |
|--|---------------------------------------|---|----|--|
| | | - Một số loại rau | 22 | 10/2 đến 14/2/2025 |
| Dự kiến nghỉ tết Nguyên Đán từ ngày 27/1- 04/2/2025 (DL) | | | | |
| 7 | Giao thông (3 tuần) | - PTGT đường bộ - đường sắt | 23 | 17/2 đến 21/2/2025 |
| | | - PTGT đường thủy-Đường hàng không | 24 | 24/2 đến 28/2/2025 |
| | | - Luật lệ giao thông. (Lồng ghép ngày quốc tế phụ nữ 8/3) | 25 | 3/3 đến 07/3/2025 |
| 8 | Hiện tượng tự nhiên (3 tuần) | - Một số hiện tượng tự nhiên. | 26 | 10/03 đến 14/03/2025 |
| | | - Sự kì diệu của nước | 27 | 17/3 đến 21/3/2025 |
| | | - Các mùa trong năm. | 28 | 24/3 đến 28/3/2025 |
| 9 | Quê Hương-Đất nước-Bác Hồ (4 tuần) | - Bác Hồ kính yêu | 29 | 31/3 đến 4/4/2025 (Nghỉ giỗ tổ HV) |
| | | - Quê hương của bé | 30 | 7/4 đến 11/4/2025 |
| | | - Đất nước Việt Nam diệu kỳ. | 31 | 14/4 đến 18/4/2025 |
| | | - Đất Nong quê em | 32 | 21/4 đến 25/4/2025 |
| 10 | Trường tiểu học (3 tuần) | - Trường tiểu học của bé. (Trải nghiệm tham quan trường tiểu học) | 33 | 28/4 đến 2/5/2025 (Nghỉ 30/4, QTLĐ) |
| | | - Bé chuẩn bị tâm thế vào lớp 1 | 34 | 05/5 đến 9/5/2025 |
| | | - Đồ dùng học tập của bé (Vui tết thiếu nhi 1/6) | 35 | 12/5 đến 16/5/2025 |

Trên đây là Kế hoạch chăm sóc giáo dục của lớp Lá 4 năm học 2024 - 2025. Kính đề nghị BGH nhà trường phê duyệt để lớp Lá 4 tiến hành thực hiện đạt hiệu quả./.

**PHÊ DUYỆT CỦA
BGH NHÀ TRƯỜNG**



Bùi Thị Thu Hằng

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Đoàn Thị Bảo Ngọc - Nguyễn Thị Tâm

